

HƯỚNG DẪN THI NGHE

- 5 phút phát đề cho sinh viên, yêu cầu sinh viên ghi đầy đủ thông tin vào trang đầu, hướng dẫn sinh viên cách làm bài theo các bước: đọc câu hỏi -> nghe -> chọn câu trả lời đúng. Sinh viên chỉ được nghe một lần.
- Phần I:
 - Sinh viên đọc trước câu hỏi 3 phút
 - Nghe băng: khoảng 3 phút 15 giây
- Phần II:
 - Sinh viên đọc câu hỏi 5 phút
 - Nghe băng: khoảng 3 phút 35 giây
- Phần III:
 - Sinh viên đọc câu hỏi khoảng 7 phút
 - Nghe băng: 4 phút 16 giây
- Phần IV:
 - Sinh viên đọc câu hỏi 10 phút
 - Nghe băng: khoảng 9 phút
- Thời gian còn lại sinh viên chuyển đáp án sang Phiếu trả lời.

HƯỚNG DẪN THI ĐỌC

Bài thi đọc có 5 phần, 40 câu hỏi. Sinh viên đọc các đoạn trích văn bản và chọn câu trả lời, điền đáp án vào Phiếu trả lời.

HƯỚNG DẪN THI VIẾT

Bài Viết gồm 3 phần. Sinh viên làm trực tiếp vào giấy thi (không có phiếu trả lời riêng như thi nghe và đọc)

Phần 1: nghe chính tả, sinh viên chỉ được nghe một lần.

Sinh viên nghe và chọn từ trong bảng từ cho sẵn điền vào chỗ trống.

Phần 2: trả lời một bức thư

Phần 3: Viết một bài luận

HƯỚNG DẪN THI NÓI

Bài thi nói:

Đề nói có 3 phần, phần 1 (giao tiếp xã hội) thí sinh trả lời từ 3 đến 6 câu hỏi mang tính xã giao, phần 2, đề sẽ đưa ra 2 lựa chọn, thí sinh cần chọn một phương án và biện luận vì sao mình chọn phương án đó, Phần 3, thí sinh nói về một chủ đề chung hoặc một chủ đề học thuật cho sẵn, có thể sử dụng các ý được cung cấp sẵn hoặc tự phát triển các ý riêng của mình (phần 3 kết thúc với một số câu hỏi thảo luận về chủ đề trên).

Thang điểm:

- * **Bài thi nghe:** Bài thi có 55 câu, mỗi câu 1 điểm, sau đó quy về thang điểm 10.
- * **Bài thi đọc:** Bài thi có 40 câu, mỗi câu 1 điểm, sau đó quy về thang điểm 10.
- * **Bài thi viết:** Phần I: 2,5 điểm, phần II: 2,5 điểm (trong đó 30% cho thể thức viết thư và 70% cho nội dung), phần III: bài luận 5 điểm.
- * **Bài thi nói:** Phần I: 2 điểm, phần II: 3 điểm; phần III: 5 điểm

Thang điểm ứng với các trình độ:

A1- Bậc 1: từ 1.0 đến 1.5

A2 – Bậc 2: từ 2.0 đến 3.5

B1 – Bậc 3: từ 4.0 đến 5.5

B2 – Bậc 4: từ 6.0 đến 7.0

C1 – Bậc 5: từ 7.5 đến 8.5

C2 – Bậc 6: từ 9.0 đến 10.0